

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 207/2021/DS-PT

Ngày: 26 - 11 - 2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các thẩm phán:

Ông Vũ Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2021/DS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 395/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXX- PT ngày 11/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh N, sinh năm 1959;

Địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: và ông Lê Xuân Q, có mặt;

(Riêng bà Hồ Thị Hồng L vắng mặt, ông N và ông Q đồng ý xét xử vắng mặt bà L);

Cùng địa chỉ: thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đức U, sinh năm 1951 và bà Vũ Thị L;

Cùng địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Bà Vũ Thị L đã uỷ quyền cho ông Vũ Đức U), ông U, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Minh L và bà Phan Thị Phú X.

Cùng địa chỉ: quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị H.

Cùng địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Minh L, ông Phan Minh H, bà Phan Thị Phú X là ông Phan Minh N, có mặt.

* **Người làm chứng:** Ông Trần Văn Đ, ông Vũ Đình T, bà Trần Thị T, ông Trịnh Văn Q, ông Nguyễn Văn N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng nghị, kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn ông Phan Minh N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ông N vào Đắk Lắk sinh sống từ năm 1985 và công tác tại trường trung học phổ thông Q (tên cũ là trường cấp 2-3 Q). Thời điểm đó Nông trường cà phê T giao cho trường THPT Q một lô đất (không rõ tổng diện tích và chiều rộng bao nhiêu mét) để chia cho giáo viên và ông N cũng được chia một phần đất có diện tích là 880m², phần đất được chia giáp với con đường vào khu dân cư (con đường quy hoạch rộng 02m từ quốc lộ 26 đi vào) con đường này cùng giáp với phần đất được chia cho ông Vũ Đức U cũng là giáo viên của trường. Đến năm 1987, khu vực đất giáp với con đường được chia thành 06 lô đất nhỏ, sau đó chia lại thành 08 lô đất nhỏ, khi thấy các lô đất nhỏ lại nên các hộ dân cùng với trường THPT Q thống nhất chia lại toàn bộ diện tích đất thành 08 lô và bỏ con đường. Mỗi lô đất giáp con đường sẽ được mở rộng 01m, thì diện tích lô đất của ông N sẽ là 904.35 m². Nhưng thực tế ông Vũ Đức U đã chiếm dụng hết con đường này với diện tích là 24.35 m² là đất của tôi theo thỏa thuận thống nhất (ông N không cung cấp được biên bản phân chia lô đất) phân chia lại lô đất giữa Nhà trường và các hộ dân khu dân cư. Cụ thể tứ cận diện tích đất bị lấn chiếm như sau:

- Phía Tây giáp vườn ông N dài 24.35m;
- Phía Nam giáp với quốc lộ 26 dài 1m;
- Phía Bắc giáp với con đường vào khu dân cư dài 1m;
- Phía Đông giáp với vườn ông Vũ Đức U dài 24.35m.

Lúc đó tôi có nói với ông U vì sao chiếm hết đất của tôi, thì ông U chửi và dọa đánh tôi, vì thời điểm đó ông U đang là Hiệu phó nơi tôi đang công tác nên tôi không dám làm gì, cũng không báo chính quyền địa phương để lập biên bản do sợ bị ảnh hưởng đến công việc.

Đến năm 1996 chính quyền địa phương tiến hành đo đất và đến năm 2002 tất cả các hộ được chia đất trong khu vực đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của gia đình ông N được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 072522, tờ bản đồ số 07, thửa số 42 ngày 26/9/2001; Diện tích 880 m² (trong đó 400 m² đất ở, 480 m² đất trồng cây lâu năm).

Hành vi lấn chiếm đất của ông U đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của gia đình tôi. Tôi đã làm đơn nhờ Ủy ban nhân dân xã H giải quyết nhưng

không thành. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Đức U và bà Vũ Thị L phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như đã nêu ở trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và công ty đo đạc tiến hành đo đạc vào ngày 03/9/2020 thì ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Diện tích đất lấn chiếm là 35,2m², có tứ cận:

- Phía Tây giáp đất của gia đình ông cạnh dài 35.33m;
- Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức U cạnh dài 35,33m (Chưa trừ lộ giới);
- Phía Nam giáp đường liên thôn cạnh dài 01m;
- Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 26 cạnh dài 01m.

Đối với các công trình mà ông U xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm, tôi đề nghị ông U phải tháo dỡ và trả lại diện tích đất lấn chiếm cho tôi.

*** Bị đơn ông Vũ Đức Uân trình bày:**

Tôi là giáo viên đến nhận công tác tại trường THPT Q từ cuối năm 1987.

Trước thời điểm tôi đến, việc Công ty cà phê T và nhà trường chia đất cho giáo viên, chia cụ thể như thế nào tôi không biết.

Cuối năm 1987, ông Trịnh Văn Q (trước đây là bảo vệ của trường) có thỏa thuận đổi lô đất với tôi. Sau khi hai bên giao kết đổi đất tôi đã nhận bàn giao lô đất từ ông Q và sử dụng đúng hiện trạng, ranh giới đất cho đến nay.

Khi tôi đến nhận lô đất, giữa lô đất của tôi và lô đất ông N không có con đường nào rộng 02 mét, dài dọc theo hai lô đất, lúc đo lô đất ông Q bàn giao cho tôi đã rào bằng dây thép gai, ông N cũng tự rào lô đất của ông N bằng hàng rào rào kẽm gai.

Đến năm 2019, ông N làm đơn đề nghị hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã H và yêu cầu tôi trả đất bị lấn chiếm. Sau đó ông N làm đơn khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu tôi trả lại diện tích đất là 35,2m² có chiều rộng là 1m và phải tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất lấn chiếm thì tôi không đồng ý vì các lý do sau:

- Khi nhận đất từ ông Q, tôi đã sử dụng đúng ranh giới, hiện trạng như ông Q bàn giao.

- Khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng như hiện trạng đất, tôi vẫn sử dụng đất đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Việc những người làm chứng có người cho rằng có việc thỏa thuận chia con đường, họ xác nhận có con đường nhưng sau đó khi phân chia lại thì phân chia như thế nào thì họ cũng không rõ. Việc ông Vũ Đình T xác nhận có con đường và có chia lại đất cho mỗi người (phần con đường) nhưng thực tế có chia hay không, ai là người chia, có được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận không thì tôi không biết.

- Ông N cho rằng do tôi là Phó Hiệu trưởng của Trường nên tại thời điểm đó ông N không kiện tôi vì sợ ảnh hưởng đến công việc, nhưng đến năm 2004 khi tách tỉnh tôi đã chuyển công tác về tỉnh Đắk Nông mà ông N vẫn không kiện tôi mà đến năm 2019 mới làm đơn khiếu nại cho rằng tôi chiếm đất ông N.

Quá trình sử dụng đất, ông N đã tự trồng hàng rào rào kẽm gai làm ranh giới. Khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N cũng xác định ranh giới như

hiện nay. Sau đó, ông N đã tự dỡ bỏ hàng rào kẽm gai và xây bằng hàng rào kiên cố là gạch. Từ năm 1987 đến năm 2019, thì hai bên không có tranh chấp hay nói gì về ranh giới giữa hai bên. Sau khi đo đạc thì diện tích đất của ông N tăng lên 359,5m² (Bao gồm cả phần ngoài lộ giới), đối với lô đất của tôi cũng tăng so với giấy chứng nhận được cấp là có thể do trước đây đo đạc chưa chính xác nhưng lô đất của ông N tăng rất nhiều so với mặt bằng chung.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Minh L, bà Phan Thị Phú X, ông Phan Minh H là ông Phan Minh N trình bày:**

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng quan điểm với ông N và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Đức U và bà Vũ Thị L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 35,2m² và tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên phần đất lấn chiếm.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Ông Ngoài và ông Phan Minh N, ông Vũ Đức U không có mối quan hệ gì, chúng tôi là hàng xóm với nhau.

Gia đình ông chuyển đến sinh sống tại xã H, huyện K từ năm 2000 đến nay. Ông được bà con trong thôn và UBND xã H bầu làm thôn trưởng thôn Toàn Thắng 2 từ năm 2019 đến nay. Kể từ thời điểm đó ông không thấy có con đường đi nào ở giữa lô đất của ông N và ông U. Lô đất của ông N và ông U hiện nay đang ở và sử dụng có nguồn gốc như thế nào, vì sao các bên phát sinh tranh chấp đất thì ông không biết.

Ngày 14/10/2019, ông Phan Minh N có viết giấy xác thực về đất đai và nhờ các hộ gia đình xung quanh ký xác nhận làm chứng. Hôm đó tại nhà ông Vũ Đình T, ông có chứng việc ông T nhờ bà H (Bà H vợ thầy T viết xác nhận thay cho ông T, sau đó ông T ký xác nhận). Ông N chỉ chứng kiến sự việc như trên. Còn các hộ xác nhận nội dung gì thì ông không biết.

*** Người làm chứng ông Vũ Đình T trình bày:** Ông Vũ Đình T và ông Phan Minh N, ông Vũ Đức U trước đây là đồng nghiệp, ngoài ra không có mối quan hệ gì.

Trước đây, ông Vũ Đình T là Hiệu trưởng của trường đào tạo vừa học, vừa làm của huyện K. Năm 1985, huyện có chủ trương mở phân hiệu của trường đặt tại xã H để dạy cho con em công nhân viên của Công ty cà phê T nên vào ngày 10/01/1985, ông T và học sinh chuyển đến xã H dạy và học. Tại thời điểm đó, lãnh đạo Công ty cà phê T có cấp cho giáo viên của trường 1 khu đất để ở (hiện nay ông T không nhớ cụ thể diện tích), ông T và cán bộ của Công ty cà phê T đã phân chia khu đất thành 06 lô cho 05 giáo viên (trong đó có cấp cho ông N 01 lô, ông U chưa về trường nên chưa được cấp), còn 01 lô đất có 05 ngôi mộ trên đất thì không ai nhận và sử dụng. Thời điểm đó có chừa lại 01 con đường đi từ Quốc lộ 26 đến lô đất của ông T, chiều rộng 02 mét. Sau đó xác định các điểm của lô đất, khi đó khu đất chưa san ủi, chưa làm đường và chưa ai sử dụng.

Ông Vũ Đình T công tác tại trường được 01 tháng 20 ngày thì chuyển công tác. Thời gian sau này khu đất được phân chia và sử dụng như thế nào ông T không

biết.

Việc ông Phan Minh N làm đơn khởi kiện tại Tòa án về tranh chấp đất đai, ông T không có ý kiến gì và đã trình bày cụ thể như trên. Do tuổi cao, sức yếu nên ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

*** Người làm chứng ông Trịnh Văn Q trình bày:** Năm 1985 ông Trịnh Văn Q làm bảo vệ của trường đào tạo vừa học, vừa làm của huyện K phân hiệu tại xã H, giữa ông N và ông U trước đây là đồng nghiệp, ngoài ra không có mối quan hệ gì khác.

Tại thời điểm đó, lãnh đạo Công ty cà phê T và lãnh đạo trường có cấp cho giáo viên trường 1 khu đất để ở. Ông Q được nhận 01 lô đất có 05 ngôi mộ trên đất mà trước đây không ai nhận.

Ông Q sử dụng lô đất đó khoảng 02 đến 03 tháng thì không ở nữa. Lúc ông Q sử dụng lô đất thì có con đường đi giữa lô đất của ông Q và ông N nhưng thực tế là con đường ranh giới giữa hai lô đất và không ai đi lại. Sau đó ông Q chuyển nhượng lại cho ông U, lô đất ông Q sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, ông N và U sử dụng đất như thế nào, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào ông Q không nắm rõ.

Do tuổi cao, sức yếu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 395/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N về việc buộc ông Vũ Đức U và bà Vũ Thị L phải trả lại diện tích đất 35,2 m².

Về các chi phí tố tụng: Ông Phan Minh N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo thửa đất (Ông N đã nộp đủ số tiền 3.500.000 đồng và đã thanh toán tiền yêu cầu đo đạc 3.987.720 đồng).

Về án phí: Nguyên đơn ông N thuộc diện miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2021, nguyên đơn ông Phan Minh N nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo cũng như giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phía bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án là không chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn.

Qua phần tranh luận, Kiểm sát viên có ý kiến: Do đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ pháp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Minh N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 395/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật định, nguyên đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Minh N và hộ ông Vũ Đức U là do Nông trường cà phê T (nay là Công ty TNHH MTV cà phê T) giao cho Trường cấp 2-3 Q (nay là trường THPT Q) chia cho các giáo viên công tác tại Trường. Theo đó năm 1985 ông N về nhận công tác, đến năm 1986 được chia diện tích đất 880m² như ông trình bày. Đối với ông U diện tích đất trước đây được chia cho ông Trịnh Văn Q (là bảo vệ của trường), đến năm 1987 ông Q sang nhượng lại cho ông U và sử dụng ổn định cho đến nay.

Đối với những người làm chứng thì xác định trước đây giữa hai lô đất có một con đường nhưng sau khi chia lại đất cũng như khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường này đã bị phân tán, không rõ chia cho ai, mỗi hộ được chia bao nhiêu và ranh giới cũng như vị trí của con đường nằm ở đâu thì không xác định được vì các hộ và nhà trường tự chia (BL 17a, 18), đồng thời khi chia đất có lập biên bản hay không thì không rõ vì các bên đương sự đều không cung cấp được văn bản chia đất.

Mặt khác, theo trích lục bản đồ thu hồi đất ngày 04/01/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì tổng diện tích thu hồi của Công ty cà phê T thuộc tờ bản đồ số 7 diện tích 6.459,5ha. Trong đó diện tích đất cấp cho hộ ông Phan Minh N thuộc thửa 234

diện tích 880m² và hộ ông U thuộc thửa số 233 diện tích 1.050m² và giữa hai thửa đất không có con đường nào. Đến ngày 16 tháng 01 năm 2002 hộ ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U072522 thửa đất số 234, tờ bản đồ số 7, diện tích 880m², ngày 29/10/2002 hộ ông U cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 07, diện tích 650m².

Kể từ thời điểm nhận đất từ năm 1986, 1987, sau đó được cấp quyền sử dụng đất đến năm 2019 giữa hai hộ không có tranh chấp gì, hàng rào giữa hai thửa đất của ông N và ông U thì ông N đã trồng hàng rào bịt làm ranh giới và cũng chính ông N đã tự dỡ bỏ hàng rào bịt và xây bằng hàng rào kiên cố là gạch. Khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N cũng xác định ranh giới như hiện nay.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định và đo đạc ngày 03/9/2020 của Công ty TNHH bất động sản An Phú thì hiện trạng sử dụng đất hiện nay phần diện tích thực tế gia đình ông N đang sử dụng là **1.282,8m²**, trong đó diện tích đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông là 346,4m², diện tích nằm ngoài chỉ giới là **936,4m²**, phần diện tích sử dụng thực tế của gia đình ông U là **795,2m²**, trong đó diện tích đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông là 215,5m², diện tích đất nằm ngoài chỉ giới quy hoạch giao thông là **579,7m²**. Như vậy, diện tích đất thực tế của ông N và ông U đều lớn hơn so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, nhưng diện tích đất của ông N được tăng nhiều hơn so với ông U.

Quá trình khởi kiện ông N xác định diện tích đất ông U lấn chiếm là 24,35m² sau đó lại xác định là 35,2 m², ông N cho rằng phần đất bị lấn chiếm là diện tích đất giáp ranh (trước đây là con đường) giữa hai hộ nhưng hiện trạng lô đất thực tế của cả hai hộ đều không đúng với diện tích đất trong giấy chứng nhận được cấp. Qua hai lần tự phân chia giữa các hộ dân và nhà trường, sau đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mốc giới, ranh giới vị trí hiện trạng giữa hai lô đất đã thay đổi so với thời điểm ông N và ông Q được Trường THPT Q chia đất nên không xác định được vị trí của con đường cũng như có hay không ông U có hành vi lấn chiếm đất.

Do không xác định được ông U có hành vi lấn chiếm đất được chia cho ông N, ông U cũng không thừa nhận có hành vi lấn chiếm và ông N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của ông N là không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. **Về án phí phúc thẩm:** Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phạm Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 395/2021/DS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[2] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh N về việc buộc ông Vũ Đức U và bà Vũ Thị L phải trả lại diện tích đất 35,2 m².

[3] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Phan Minh N được miễn nộp án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Y Phi Kbuôr